

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NL  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 6 - 2021  
V/v Ly hôn, TNh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Đức Hoàn

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về Ly hôn, TNh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị TR; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Khu phố TN, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn T; sinh năm: 1981; nơi cư trú: Khu phố TN, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị TR, anh T. Chị TR đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị TR trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 13/4/2012 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã NK (nay là thị trấn NL), huyện NL, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là

do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng chỉ sống ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T**.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Đức Dũng, sinh ngày 28/8/2012 và cháu Phạm Hương Lan, sinh ngày 07/5/2014. Nếu ly hôn, chị **TR** xét thấy với điều kiện của mình hiện tại không đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan, giao cháu Dũng cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **TR** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn **T** trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Tình trạng vợ chồng như trong đơn chị **TR** trình bày là không đúng. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến tháng 10/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng. Từ tháng 10/2020, chị **TR** bỏ về nhà ngoại sinh sống. Anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Đức **D**, sinh ngày 28/8/2012 và cháu Phạm Hương **L**, sinh ngày 07/5/2014. Hiện các cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, yêu cầu chị **TR** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh **T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **TR** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **T** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Phạm Thị **TR** được ly hôn anh Phạm Văn **T**. Giao cháu Phạm Đức Dũng, sinh ngày 28/8/2012 cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Hương Lan, sinh ngày 07/5/2014 cho chị **TR** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị **TR** và anh **T** thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần hôn nhân và con cái.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên toà và căn cứ vào kết quả **T**Nh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn **T** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh **T** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh **T**.

Chị Phạm Thị **TR** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị **TR**.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị **TR** và anh Phạm Văn **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/4/2012 tại UBND xã **NK** (nay là thị trấn **NL**), huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, vấn đề này cũng đã được UBND thị trấn **NL** xác nhận. Anh **T** cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ chị **TR**, anh **T** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị **TR** được ly hôn anh **T**.

[3] Về con cái: Chị **TR** và anh **T** có 02 con chung. Chị **TR** và anh **T** đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan. Nguyên vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy, cháu Lan có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Cháu Dũng cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, nhưng chị **TR** xét thấy với điều kiện của mình hiện tại không đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng mỗi cháu là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **TR**, giao cháu Dũng cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lan cho chị **TR** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị **TR**, anh **T** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **TR** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị **TR** được ly hôn anh Phạm Văn **T**.

2. Về con cái: Giao cháu Phạm Đức Dũng, sinh ngày 28/8/2012 cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Hương Lan, sinh ngày 07/5/2014 cho chị **TR** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **TR**, anh **T** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị **TR** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0011695 ngày 19/02/2021. Chị **TR** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị **TR**, anh **T** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND TT **NL**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Hội thẩm nhân dân**                      **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Bùi Trung Thành**

**Phạm Đức Hoàn**

**Nguyễn Thanh Tân**



